

Số: /BC-SCT

Hà Nam, ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý II năm 2022 - Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

Thực hiện Công văn số 1471/VPUB-KSTT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính Quý II năm 2022, Sở Công Thương tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Đối với công tác rà soát, đánh giá tác động các quy định về TTHC được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở chú trọng, quan tâm chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực hiện đúng quy định.

- Trong quý II, Sở đã tổ chức đánh giá tác động các văn bản 11 VB QPPL liên quan đến TTHC thuộc lĩnh vực chuyên môn ngành: Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình số; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng thay thế Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thông tư số

67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2021 về ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Số lượng TTHC thực hiện trong kỳ báo cáo đã được đánh giá tác động 46 TTHC, trong đó đề nghị ban hành mới 01, sửa đổi bổ sung 38 (35 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 03 TTHC thuộc cấp huyện), bãi bỏ 07 TTHC.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo văn bản QPPL

Tổng số TTHC và tổng số văn bản QPPL trong kỳ báo cáo do Sở Công Thương chủ trì thực hiện việc thẩm định: 0.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

- Tổng số Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC đã được ban hành trong kỳ báo cáo: 0.

- Tổng số văn bản QPPL có quy định TTHC được công bố: 0.

- Tổng số TTHC/danh mục TTHC được công bố: trong đó số TTHC được công khai: 0.

- Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Công Thương tại địa phương: 140 (*thẩm quyền giải quyết của Sở 127, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: 13, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: 0*); trong đó: số TTHC do Trung ương quy định: 127; số TTHC do địa phương quy định: 0..

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Quý II, Sở đã tổ chức rà soát, đánh giá nhằm đánh giá lại toàn bộ TTHC thuộc chức năng quản lý của Ngành cũng như đánh giá lại toàn bộ các văn bản QPPL liên quan đến TTHC thuộc lĩnh vực ngành quản lý tại địa phương. Kết quả sau rà soát đề nghị UBND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung đơn giản hóa đối với 38 TTHC và bãi bỏ 07 TTHC.

- Tỷ lệ đơn giản hóa trong Quý II/2022 đạt: $45/140 = 32,14 \%$.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo, trong đó:
 - + Số tiếp nhận mới trong kỳ: 0;
 - + Số từ kỳ trước chuyển qua: 0;
 - + Số phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính: 0;
 - + Số phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính: 0.
- Số phản ánh, kiến nghị đã xử lý: 0; trong đó số đã được đăng tải công khai: 0.
- Số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là 4.409, trong đó: số hồ sơ kỳ trước chuyển qua là 89; số mới tiếp nhận trong kỳ là 4.320 (*trực tuyến: 4.312; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 08*).
- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 4.394; trong đó, giải quyết trước hạn: 4394, đúng hạn: 0, quá hạn: 0.
- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 15; trong đó: trong hạn: 15, quá hạn: 0.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Cơ quan chỉ đạo các phòng chuyên môn triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 15/9/2021 của tỉnh ủy Hà Nam về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến xây dựng chính quyền số, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính giai đoạn 2021-2025.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cơ quan chỉ đạo cán bộ thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh: Tiếp nhận, số hóa, giải quyết hoặc chuyển hồ sơ, theo dõi việc giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo quy định; cập nhật hồ sơ đã tiếp nhận vào phần mềm quản lý và cấp mã số hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Chủ động tham mưu, đề xuất sáng kiến cải tiến việc giải quyết TTHC; kịp

thời phát hiện, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, thay đổi hoặc hủy bỏ, bãi bỏ các quy định về TTHC trái pháp luật, không khả thi hoặc không phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên kiểm tra, cập nhật tiến độ xử lý từng hồ sơ trên Phần mềm một cửa để giải quyết TTHC theo quy định. Đồng thời không để xảy ra tình trạng trễ hẹn hồ sơ trên hệ thống.

- Tình hình tích hợp dịch vụ công lên trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: trong kỳ Sở đã phối kết hợp với Phòng Kiểm soát TTHC của Văn phòng UBND tỉnh thực hiện tốt công tác rà soát, cập nhật bổ sung các mã TTHC theo đúng chuẩn trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đầy đủ, kịp thời, chính xác.

- Thực hiện Quy chế Quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của UBND tỉnh; Công văn số 1363/UBND-NC ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc báo cáo kết quả chỉ số PAPI, Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS tỉnh Hà Nam năm 2021; Công văn số 599/STTTT-TTBCXB ngày 07/6/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc cập nhật thủ tục hành chính trên Cổng Thông tin điện tử, Sở đã cập nhật đầy đủ các thông tin của thủ tục hành chính trên Cổng Thông tin điện tử của Sở kịp thời, chính xác.

9. Truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC:

- Thường xuyên phối hợp với các cơ quan truyền thông của tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến khuyến khích người dân, doanh nghiệp thay đổi thói quen nộp, nhận hồ sơ trực tiếp mà thực hiện các giao dịch hành chính, giải quyết TTHC thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích; đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công mức độ 3, 4 theo quy định; đáp ứng mô hình xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh

- Đăng tải nội dung đầy đủ Danh mục TTHC, nội dung từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan lên trên cổng thông tin điện tử của Sở để người dân, doanh nghiệp quan tâm theo dõi.

- Tăng cường đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước. Thông qua đó đánh giá hiệu quả công tác giải quyết TTHC của Sở Công Thương, phát huy vai trò giám sát của người dân

làm căn cứ đánh giá trách nhiệm người đứng đầu cơ quan nhà nước, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

10. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Trong Quý II, Sở đã tiến hành 01 đợt kiểm tra việc thực hiện quy trình TTHC, căn cứ các VBQPPL mới ban hành có tác động đến TTHC đã yêu cầu các phòng chuyên môn tổ chức rà soát, đánh giá các quy định TTHC thuộc lĩnh vực chuyên môn của phòng được giao và các TTHC đã được phân cấp về huyện, trong đó đặc biệt lưu ý đến công tác lưu trữ hồ sơ TTHC.

Ngoài việc thường xuyên theo dõi, giám sát thực hiện công tác kiểm soát TTHC thì Ban đạo CCHC của Sở dự kiến tiến hành kiểm tra chuyên đề về công tác kiểm soát TTHC trong quý III nhằm đánh giá kết quả đạt được cũng như chỉ ra những tồn tại xây dựng giải pháp triển khai nâng cao chất lượng kiểm soát TTHC kịp thời.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Đánh giá chung về hiệu quả, mức độ hoàn thành công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử của Sở Công Thương trong quý II năm 2022 nói chung đạt được nhiều mặt tích cực. So sánh hiệu quả công tác kiểm soát TTHC Quý 2/2022 với Quý 2/2021 đa số các TTHC đều được quản lý chặt chẽ, dễ đến với người dân và doanh nghiệp hơn, rút ngắn cả về thời gian và các điều kiện không cần thiết những vẫn bảo đảm chặt chẽ để giải quyết các TTHC.

- Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm soát TTHC:

+ Đa số cán bộ công chức thực hiện công tác kiểm soát TTHC đều chưa được tập huấn thường xuyên dẫn đến nhiều khi giải quyết các TTHC còn gặp vướng mắc.

+ Cán bộ công chức giải quyết TTHC tại các phòng, đơn vị thuộc Sở chủ yếu là kiêm nhiệm, thực hiện nhiệm vụ khác nhau nên đôi khi còn hạn chế trong xử lý giải quyết thủ tục hành chính.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA KỲ TIẾP THEO

Đơn vị tiếp tục tập trung rà soát các văn bản quy phạm Pháp luật được các cấp đã ban hành, đề xuất bổ sung, sửa đổi kịp thời phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và ngành quản lý đúng theo quy định của Pháp luật.

Thủ trưởng từng đơn vị thuộc Sở chỉ đạo tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, thực hiện các qui trình lấy ý kiến để từng bước

hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm Pháp luật. Đảm bảo tất cả thủ tục hành chính được kiểm soát chặt chẽ và phải được niêm yết công khai, rõ ràng, minh bạch, chính xác.

Tiếp tục cập nhật, niêm yết đầy đủ kịp thời các thủ tục hành chính mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, đồng thời đề nghị bãi bỏ hoặc hủy bỏ theo quy định. Tiếp tục tham mưu bãi bỏ đối với TTHC không cần thiết, không phù hợp nhằm cắt giảm chi phí về thời gian và tài chính của người dân và doanh nghiệp. Tổ chức thực hiện nghiêm các thủ tục hành chính đã được công bố, công khai; thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc thực thi các thủ tục hành chính; TTHC phải kịp thời công bố công khai khi có điều chỉnh, bổ sung để tổ chức công dân dễ hiểu, dễ thực hiện.

Sắp xếp bố trí đội ngũ cán bộ, công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và số lượng CBCC các phòng theo số lượng biên chế được giao và gắn trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc chỉ đạo thực hiện công tác cải cách tổ chức bộ máy.

Tập trung tổ chức thực hiện cơ chế “một cửa” “một cửa liên thông” từ các đơn vị đến Sở, nhằm giảm thời gian giải quyết, tạo sự đồng thuận và tin tưởng với công dân khi đến giao dịch tại cơ quan hành chính nhà nước. Sắp xếp bố trí CBCC có đủ trình độ, năng lực, đạo đức, tác phong để thi hành công vụ.

Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm chấn chỉnh một cách mạnh mẽ về kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính nhà nước. Kịp thời tuyên dương, khen thưởng CBCC có tinh thần tận tụy phục vụ, đồng thời, xử lý nghiêm đối với CBCC sai phạm.

Sở Công Thương trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh (Phòng KS TTHC);
- Các đc PGĐ Sở;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC

Lê Nguyên Ngọc

Biểu số II.01b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC,
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2022
(Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 14/6/2022)

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên dự thảo văn bản QPPL được đánh giá tác động của TTHC	Số lượng TTHC đã được đánh giá tác động					Số lượng TTHC được quy định tại văn bản (sau khi ban hành)	
		Tổng số TTHC được đánh giá tác động	TTHC được quy định mới	TTHC được sửa đổi, bổ sung	TTHC được bãi bỏ	TTHC được giữ nguyên	Tổng số TTHC được quy định	Số, ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản
(1)	(2)	(3) = (4)+ (5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Quyết định của UBND cấp tỉnh	0	0	0	0	0	0	0
II	Nghị quyết định của HĐND cấp tỉnh	0	0	0	0	0	0	0
	TỔNG SỐ	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Đối với những dự thảo văn bản QPPL chưa được ban hành trong kỳ báo cáo, đề nghị cung cấp/ cập nhật thông tin (tên, số ký hiệu, thời gian ban hành văn bản; số lượng TTHC) tại các kỳ báo cáo kế tiếp.

Biểu số II.02c/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
QUY ĐỊNH TẠI TẠI DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC,
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2022
(Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 14/6/2022)

Đơn vị tính: TTHC, VB.

STT	Tên cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo	Tổng số		Số lượng TTHC được thẩm định theo tên loại VBQPPL			
				Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND	
		TTHC	VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VBQPPL	Số lượng TTHC	Số lượng VBQPPL
(1)	(2)	(3) = (5)+(7)	(4) = (6)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Sở Công Thương tỉnh Hà Nam	0	0	0	0	0	0
TỔNG SỐ		0	0	0	0	0	0

Biểu số II.03b/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ CÔNG BỐ, CÔNG KHAI
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2022
(Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 14/6/2022)

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam.

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC,
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đơn vị tính: TTHC, VB.

II. CÔNG BỐ, CÔNG KHAI TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên cơ quan, đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Số lượng TTHC đã được công bố				Số lượng TTHC đã được công khai/ không công khai		Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tính đến thời điểm báo cáo
				Tổng số	TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ	Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung (Công khai)	Bãi bỏ hoặc thay thế (Không công khai)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở Công Thương Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	140
	TỔNG CỘNG	0	0	0	0	0	0	0	0	140

Biểu số II.04/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC,
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2022
(Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 14/6/2022)

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, triệu đồng, %

STT	Tổng số TTHC cần rà soát, đơn giản hóa theo Kế hoạch	Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa	Phương án đơn giản hóa TTHC						Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử	Số tiền tiết kiệm được	Tỷ lệ chi phí tiết kiệm được	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa
			Số lượng TTHC giữ nguyên	Số lượng TTHC bãi bỏ	Số lượng TTHC sửa đổi bổ sung	Số lượng TTHC thay thế	Số lượng TTHC liên thông	Số lượng TTHC có giải pháp để thực hiện trên môi trường điện tử				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
I	THEO KẾ HOẠCH RÀ SOÁT CỦA BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ/ UBND CẤP TỈNH											
1	TTHC/Nhóm TTHC quy định tại VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan/ UBND cấp tỉnh											
	45	45	95	07	38	0	0	38	0	0	100%	
2	TTHC/Nhóm TTHC quy định tại VBQPPL không thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan/ UBND cấp tỉnh											
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng	45	45	95	07	38	0	0	38	0	0	100%	

Biểu số II.05a/VPCP/KSTT

**KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN)
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH VÀ HÀNH VI HÀNH CHÍNH TẠI
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương Hà Nam

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát
TTHC, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2022
(Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 14/6/2022)

Đơn vị tính: Số PAKN.

STT	Tên ngành, lĩnh vực có PAKN	Số lượng PAKN được tiếp nhận					Kết quả xử lý PAKN									Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai
		Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Đã xử lý				Đang xử lý					
			Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ	Tổng số	Theo nội dung		Theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Hành vi hành chính	Quy định hành chính		
								Hành vi hành chính	Quy định hành chính	Từ kỳ trước	Trong kỳ					
(1)	(2)	(3) =(4)+(5) =(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (9)+(10) =(11)+(12)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (14)+(15)	(14)	(15)	(16)	
1	Sở Công Thương Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Biểu số II.06a/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

- Đơn vị báo cáo: Sở Công Thương tỉnh Hà Nam

- Đơn vị nhận báo cáo: Phòng Kiểm soát TTHC,
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kỳ báo cáo: Quý 2/Năm 2022
(Từ ngày 15/3/2022 đến ngày 14/6/2022)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết				Số lượng hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong kỳ		Từ kỳ trước	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Đúng hạn	Quá hạn
			Thực tuyến	Thực tiếp, dịch vụ bưu chính								
(1)	(2)	(3)=(4) +(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8) +(9)+(10)	(8)	(9)	(10)	(11)= (12)+(13)	(12)	(13)
1	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	04	04	0	0	04	04	0	0	0	0	0
2	Lĩnh vực Thương mại Quốc tế	01	01	0	0	01	01	0	0	0	0	0
3	Lĩnh vực hóa chất	01	01	0	0	01	01	0	0	0	0	0
4	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	16	15	01	0	15	15	0	0	01	0	0
5	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	01	01	0	0	01	01	0	0	0	0	0
6	Lĩnh vực Quản lý năng lượng	56	51	05	0	50	50	0	0	06	0	0
	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	4304	4216	0	88	4304	4304	0	0	0	0	0
	Lĩnh vực Điện	01	01	0	0	01	01	0	0	0	0	0
	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	25	22	02	01	17	17	0	0	08	0	0
TỔNG CỘNG		4409	4312	08	89	4394	4394	0	0	15	0	0